

Bản án số: 01/2023/HS-ST
Ngày 15 - 11 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Nhiễm

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Thạch N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1986, tại huyện T C, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp Ô Trao, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thạch R, sinh năm 1958 và bà Thạch Thị Sa D, sinh năm 1954; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền sự: không; Tiền án: không.

Bị cáo Thạch N bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 20/7/2023 đến ngày 23/7/2023 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1993; (có đơn vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Sóc Tre, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Quốc T, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm 4, phường 1, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Bình Đ, xã Tân Bình, huyện Tân T, tỉnh Long An.

3. Bà Thạch Thị Tô L, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm 5, phường 1, thành phố T, tỉnh Trà Vinh;

4. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1968; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

5. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 48, Nguyễn Huỳnh Đức, khu phố Trường Khánh, phường Khánh Hậu, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Ngọc Qu, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 06, Huỳnh Châu Sỏ, phường 4, TP. T, tỉnh Long An.

2. Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Cây Ổi, xã Tập Ngãi, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Nguyễn Thị Kiều Ph, sinh năm 1978; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

4. Ông Thạch R, sinh năm 1958; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Ô Trao, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

- *Người phiên dịch:* Ông Thạch Thia R – Cán bộ hưu trí (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 02 năm 2022 ông H tạm giao cho ông Nguyễn Văn K quản lý, sử dụng 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu THACO, loại xe tải tự đổ, biển kiểm soát số 62C-047.02 do ông Võ Văn Đ, sinh năm 1975 địa chỉ số 400,

đường Bình Đ, xã Tân Bình, huyện T, tỉnh Long An đăng ký quyền sở hữu (do xe ô tô này ông H đã mua lại từ ông Đ). Ngày 23/02/2022 ông Nguyễn Văn K có làm hợp đồng cho bị cáo Thạch N thuê lại chiếc xe ô tô trên với thời hạn là 06 tháng (tính từ ngày 23/02/2022 đến 23/8/2022), giá thuê 15.000.000 đồng/tháng. Đến cuối tháng 7 năm 2022 do cần tiền để trả nợ và đầu tư vào việc kinh doanh của mình nên bị cáo N đã tính toán sẽ vay tiền của anh Huỳnh Văn Đ ở ấp Sóc Tre, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh bằng cách cầm cố xe ô tô tải biển số 62C- 047.02. Tuy nhiên tại thời điểm này xe ô tô vẫn do ông Võ Văn Đ đứng tên và ông K là chủ sở hữu do ông K đã mua lại xe từ ông Huỳnh, bị cáo N biết xe trên không phải của mình thì sẽ không cầm được. Do đó, ngày 01/8/2022 bị cáo tự mình viết giấy mua bán giả với nội dung thể hiện bị cáo đã mua lại xe trên từ anh Trần Quốc T, sinh năm 1980, ngụ ấp Phú Hòa, xã Long Đức, thành phố T, tỉnh Trà Vinh và tự mình ký tên bên mua, bên bán, sau đó bị cáo đem đến đưa cho anh Huỳnh Văn Đ và nói dối là xe do mình mua lại để anh Đ tin và đồng ý cho bị cáo vay tiền. Bị cáo N đã hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất là 0,5%/triệu đồng/tháng và bị cáo đưa ra 01 giấy hợp đồng mua bán xe (bản viết tay ghi ngày 17/8/2021) cho anh Đ kiểm tra. Do tin tưởng chiếc xe trên đã được bị cáo mua lại của người khác nên anh Đ đồng ý cho bị cáo vay tiền và cầm cố bằng chiếc xe ô tô biển số 62C-047.02, kèm theo bản hợp đồng mua bán xe và các giấy tờ có liên quan.

Sau khi kết thúc hợp đồng, ông Nguyễn Văn K liên hệ bị cáo Thạch N yêu cầu trả lại chiếc xe ô tô thì phát hiện bị cáo đem xe ô tô đi cầm cố cho anh Huỳnh Văn Đ. Do đó ông K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T C để tố giác bị cáo N về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T C đã tiến hành thu thập tài liệu và trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết họ tên Thạch N trong giấy hợp đồng mua bán xe ghi ngày 17/8/2021 do bị cáo N đưa cho anh Đ khi vay tiền.

Tại kết luận giám định số 248/KL-KTHS ngày 25/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận:

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký Thạch N trên hợp đồng mua bán xe ghi ngày 17/8/2021 (ký hiệu A) so với chữ ký của Thạch N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu (M1, M2, M3, M4, M5) có phải do cùng một người ký ra hay không.

- Chữ viết họ tên Thạch N trên hợp đồng mua bán xe, ghi ngày 17/8/2021 (ký hiệu A) so với chữ viết của Thạch N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu (M1, M2, M3, M4, M5) do cùng một người viết ra.

Đồng thời anh Trần Quốc T xác định không có bán xe ô tô tải như trên cho bị cáo N và chữ ký, chữ viết tên trong giấy mua bán do bị cáo lập N không phải là của anh T.

Từ kết quả trưng cầu giám định chữ viết của bị cáo Thạch N và kết quả điều tra, xác định hành vi của bị cáo N làm giả hợp đồng mua bán xe nhằm mục đích tạo niềm tin với Huỳnh Văn Đ để cầm cố chiếc xe ô tô tải biển số 62C-047.02 và chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng từ anh Huỳnh Văn Đ. Ngày 24/02/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện T C đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, đến ngày 06/6/2023 ra quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Thạch N. Tuy nhiên do không xác định được Thạch N đang ở đâu nên ngày 23/6/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy nã bị can Thạch N và đến ngày 26/6/2023 ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can.

Đến ngày 20/7/2023 thì bị cáo N ra đầu thú, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định tạm giữ hình sự đối với bị cáo Thạch N và ngày 21/7/2023 đã ra quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự, quyết định phục hồi điều tra bị can, ra lệnh tạm giam bị cáo cho đến nay. Qua làm việc bị cáo Thạch N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 37/CT-VKS-HS ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T C truy tố bị cáo Thạch N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, nguyên nhân, động cơ phạm tội đối với bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 174, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Thạch N từ 06 tháng đến 01 năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 20/7/2023.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt bị cáo Thạch N từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Thạch N bồi thường cho ông Nguyễn Văn K số tiền 45.000.000 đồng.

Đối với anh Huỳnh Văn Đ do đã nhận lại đủ số tiền 30.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với chị Thạch Thị Tô L không yêu cầu bị cáo Thạch N trả lại số tiền 10.500.000 đồng đã khắc phục thay cho bị cáo N nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Thạch N khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường cho ông Nguyễn Văn K tổng số tiền 45.000.000 đồng, gồm: 30.000.000 đồng tiền cho thuê xe từ ngày 24/8/2022 đến 21/11/2022 (thời điểm ông K nhận lại xe) và 15.000.000 đồng chi phí sửa chữa xe ô tô biển số 62C - 047.02.

Lời nói sau cùng của bị cáo Thạch N: Bị cáo thừa nhận việc làm của mình là vi phạm pháp luật, rất hối hận nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về phụ giúp gia đình.

Đối với anh Huỳnh Văn Đ là người bị hại trong vụ án có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, anh Đ không có yêu cầu bị cáo Thạch N bồi thường gì thêm.

Đối với ông Nguyễn Văn K vắng mặt nhưng có lời khai yêu cầu bị cáo Thạch N bồi thường số tiền 45.000.000 đồng. Riêng số tiền 10.000.000 đồng ông K đã thay bị cáo N khắc phục cho anh Đ, ông K không có yêu cầu bị cáo trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Thạch N đã khai nhận hành vi của mình là vào ngày 01/8/2022 tại ấp Sóc Tre, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh, để tạo niềm tin đối với anh Huỳnh Văn Đ bị cáo Thạch N đã có hành vi gian dối bằng hình thức tự mình viết giả giấy mua bán xe ô tô tải biển kiểm soát số 62C – 047.02 giữa bị cáo với ông Trần Quốc T để cầm cố xe trên cho anh Huỳnh Văn

Đ chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng, mục đích để trả nợ và dùng vào việc kinh doanh bị thua lỗ.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Thạch N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, bản kết luận giám định số 248/KL-KTHS ngày 25/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh và các tài liệu, chứng cứ khác liên quan có trong hồ sơ vụ án. Lời khai của bị cáo Thạch N phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Xét thấy, ngày 01/8/2022 bị cáo Thạch N có hành vi gian dối làm giả hợp đồng mua bán xe nhằm mục đích tạo niềm tin với anh Huỳnh Văn Đ để cầm cố chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát số 62C-047.02 và chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng của anh Huỳnh Văn Đ. Hành vi này đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T C truy tố bị cáo Thạch N là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[4] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo Thạch N là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo Thạch N là người có đầy đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng với bản chất tham lam, xem thường pháp luật đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Do đó, xét thấy cần có một mức án nghiêm đối với bị cáo, cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để nhằm mục đích răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt. Qua đó cũng góp phần vào công tác đấu tranh ngăn chặn loại tội phạm này.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy khi quyết định hình phạt cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Thạch N để áp dụng mức hình phạt một cách tương xứng.

Về tình tiết tăng nặng: Không có

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại. Đồng thời người bị hại là anh Huỳnh Văn Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Sau khi biết mình bị truy nã đã đến cơ quan điều tra đầu thú nên xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần áp dụng khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự buộc bị cáo Thạch N nộp 10.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại là anh Huỳnh Văn Đ đã được bị cáo và gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại xong, anh Đ không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo Thạch N tự nguyện bồi thường cho ông K số tiền 45.000.000 đồng, gồm: 30.000.000 đồng tiền cho thuê xe từ ngày 24/8/2022 đến 21/11/2022 thời điểm ông K nhận lại xe và 15.000.000 đồng chi phí sửa chữa xe ô tô 62C - 047.02. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo nên cần ghi nhận.

Riêng số tiền 10.000.000 đồng ông K đã thay bị cáo N khắc phục cho anh Đ, ông K không có yêu cầu và số tiền chị Thạch Thị Tô L bồi thường thay cho bị cáo, chị Tô L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Thạch N nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C về hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Thạch N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 174, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Thạch N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2023.

Hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Thạch N nộp 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 584; 585; 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Thạch N phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Văn K với số tiền 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Thạch N nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.250.000 đồng (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm .

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T C;
- Chi cục THADS huyện T C;
- Công an huyện T C;
- UBND xã Hiếu Tử;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- TAND tỉnh Trà Vinh (phòng GDKT);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng